

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆNBB
TỈNH BÌNH THUẬN.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 14-5-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo-Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hạnh

2. Bà Lại Thị Mỹ Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa: Ông Trần Thông-Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 05 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện BB xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 283/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/QĐXX-ST ngày 01 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15 /2019/QĐ-HPT ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Biên Thị Hoàng D, sinh năm 1991(có mặt)

HKTT:Số A,đường Cao Thắng, khu phố Lương T, thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh.

Bị đơn: Anh Dương Hữu Th, sinh năm 1988(vắng mặt)

HKTT:Số A, đường Cao Thắng, khu phố Lương T, thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Biên Thị Hoàng D trình bày:

+Về hôn nhân: Chị D và anh Dương Hữu Th tự nguyện yêu nhau, có tổ chức cưới vào ngày 01tháng 12 năm 2011 và đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh ngày 25/7/2012. Sau khi cưới và kết hôn, chị Biên Thị Hoàng D và anh Dương Hữu Th sống cùng gia đình nhà cậu mợ anh Th tại địa chỉ A, Cao Thắng, thị trấn S, huyện BB.Vợ chồng mới cưới nhưng sống không hạnh phúc. Anh Th nghe lời bạn bè về nhà đánh đập chị, đuổi về nhà mẹ đẻ ở. Khi chị mang thai anh Th ngoại tình về tiếp tục đánh chị.Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng

nên chị tự đi PTh làm việc đến tháng 3 năm 2017, anh Th tìm gặp năn nỉ về nhưng tính nạo tạt đó vẫn đánh chị nên chị trốn vào TP Hồ Chí Minh làm việc. Gia đình năn nỉ, vì con trở lại nhưng khi sống chung anh Th vẫn đánh đập chị phải nhập viện tại TP Hồ Chí Minh. Anh Th bỏ về lại thị trấn S từ 18/10/2018 đến nay. Hiện nay chị và anh Th đã không còn sống chung nên vợ chồng không thể tiếp tục sống hạnh phúc nên xin ly hôn anh Dương Hữu Th.

+ Về con chung: Chị Biền Thị Hoàng D và anh Dương Hữu Th có 01 con chung tên Dương Uyển L, sinh ngày 18/9/2012. Chị D đi tìm việc làm tại TP HCM nên để con lại cho gia đình cùng anh Th chăm sóc. Hiện con chị giao anh Th nuôi ổn định nên chị D yêu cầu giao con chung anh Th tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Hữu Th đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hai lần hợp lệ nhưng không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị Biền Thị Hoàng D. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được và đưa ra xét xử nhưng anh Th vẫn không đến Tòa án tham gia phiên tòa nên vụ án được xét xử vắng mặt anh Dương Hữu Th.

* Tại phiên tòa:

Chị Biền Thị Hoàng D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Dương Hữu Th và giao con chung là Dương Uyển L, sinh ngày 18/9/2012 cho anh Th nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị D trình bày do làm xa nên việc cấp dưỡng nuôi con do chị tự nguyện cùng anh Th thỏa thuận riêng, chị không cấp dưỡng theo mức đưa ra 1.000.000đ/tháng như tại hồ sơ vụ án chị đã trình bày.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB phát biểu ý kiến đối với vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 175, 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Hữu Th không chấp hành đúng qui định pháp luật.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chị Biền Thị Hoàng D được ly hôn anh Dương Hữu Th. Về con chung: Dương Uyển L, sinh ngày 18/9/2012 tiếp tục giao cho anh Dương Hữu Th nuôi dưỡng. Chị Biền Thị Hoàng D thỏa thuận cùng với anh Th về cấp dưỡng nuôi con.

-Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Dương Hữu Th đã được tổng đạt niêm yết thông báo thụ lý và thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị D nên vụ án không tiến hành hòa giải được và đưa ra xét xử nhưng anh Dương Hữu Th đã được thông báo và niêm yết thủ tục xét xử hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên vụ án xét xử vắng mặt anh Dương Hữu Th là phù hợp Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Biên Thị Hoàng D và anh Dương Hữu Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2012 tại UBND thị trấn S nên hôn nhân giữa chị D và anh Th là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu nhau giúp đỡ cùng thực hiện các công việc trong gia đình theo qui định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh Dương Hữu Th không thương yêu vợ mà có hành động bạo lực gia đình đánh vợ nhiều lần nên từ đó mối quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh Th lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Hiện nay, anh Th đã bỏ mặc vợ không quan tâm gì nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận chị Biên Thị Hoàng D được ly hôn anh Dương Hữu Th được qui định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Dương Uyển L, sinh ngày 18/9/2012, chị Biên Thị Hoàng D yêu cầu anh Dương Hữu Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và thỏa thuận cùng anh Th về cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị Biên Thị Hoàng D đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp qui định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình. Bởi chị D từ khi không còn chung sống với anh Th đã để lại con là Dương Uyển L cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng và anh Th không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu L được anh Th chăm sóc ổn định từ năm 2018 đến nay, cháu L cần có sự chăm sóc ổn định về tâm lý và điều kiện học tập chấp nhận giao con chung Dương Uyển L, sinh ngày 18/9/2012 cho anh Dương Hữu Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị D thay đổi không cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ mà tự nguyện cấp dưỡng theo thỏa thuận riêng giữa chị với anh Th. Hội đồng xét xử thấy việc chị D tự nguyện cấp dưỡng riêng theo thỏa thuận cùng anh Th nên không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Biên Thị Hoàng D trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét theo qui định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]Về án phí: Chị Biền Thị Hoàng D chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 qui định về mức thu,miễn giảm, nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 qui định về mức thu,miễn giảm, nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: +Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Biền Thị Hoàng D được ly hôn anh Dương Hữu Th.

+ Về con chung: Giao anh Dương Hữu Th trực tiếp nuôi con chung Dương Uyển L, sinh ngày 18/9/2012.Chị Biền Thị Hoàng D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

+ Án phí: Chị Biền Thị Hoàng D phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0016025 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB.Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Quyền kháng cáo:Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Biền Thị Hoàng D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Vắng mặt anh Dương Hữu Th, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BB.
- Dương sự
- UBND thị trấn S
- Lưu HSVA

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thảo

.....
.....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ⁽²⁷⁾:

Xử⁽²⁸⁾:

(29)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 49:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

- (1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).
- (3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.
- (4) Ghi trích yếu quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).
- (6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ và tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm nhân dân; nếu xét xử

theo thủ tục rút gọn thì bỏ đoạn “Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có” và chỉ ghi Thẩm phán và họ tên Thẩm phán xét xử (ví dụ: Thẩm phán: Nguyễn Văn A). Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2016 tại...).

Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 03, 04 và 05 tháng 3...); nếu số ngày nhiều liên nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 07 đến 11 tháng 3 năm); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28-02 đến ngày 02-3 năm...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm...).

(8) Nếu xét xử kín thì thay hai chữ “công khai” bằng chữ “kín”.

(9) Tùy theo vụ án mà ghi “thông thường” hay “rút gọn”.

(10) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2016/TLST-HNGĐ).

(11) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(12) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú. Nếu nguyên đơn là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh.

Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(13) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thăng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(14) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(21) và (22) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(23) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và tên của Tòa án, nơi Thư ký phiên tòa công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(24) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(25) Ghi quan hệ được xác lập giữa các đương sự dẫn đến có tranh chấp; các vấn đề cụ thể mà người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu phản tố (nếu có) và đề nghị cụ thể của bị đơn; yêu cầu độc lập và đề nghị cụ thể của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chú ý không mô tả diễn biến sự việc theo lời trình bày của các đương sự).

Ví dụ 1: Trong đơn khởi kiện ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., (nếu có)), nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại về vận chuyển hàng hoá. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn: (các yêu cầu cụ thể).

Tại văn bản phản tố ngày... tháng... năm... (hoặc tại văn bản ngày... tháng... năm..., hoặc tại phiên toà sơ thẩm) bị đơn có yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là... (nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị: (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Ví dụ 2: Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., (nếu có)) nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... đăng ký kết hôn ngày... tháng... năm... Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết (các yêu cầu cụ thể: ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung...).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) bị đơn là... có yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là... (nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

(26) Ghi nhận định của Toà án, phải phân tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận từng yêu cầu, đề nghị cụ thể của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có). Cần viện dẫn điểm, khoản và điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận.

Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì tùy từng trường hợp cụ thể mà Tòa án ghi nhận định áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

(27) Ghi căn cứ điểm, khoản, điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để ra quyết định (ví dụ: căn cứ điểm... khoản... Điều... Luật đất đai; căn cứ điểm... khoản... Điều... Luật hôn nhân và gia đình,...)

(28) Ghi các quyết định của Toà án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy.

(29) Phần cuối cùng của bản án, nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); nếu là bản án chính để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án chính).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên và đóng dấu của Toà án)

(Họ và tên)